

Bản án số: 59/2020/DS-PT

Ngày: 20-5-2020

V/v tranh chấp: “Đòi tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Lâm Thuận Tùng

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 126/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020; về việc tranh chấp “Đòi tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2020/DS-ST ngày 13 tháng 02 năm 2020, của Toà án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 110/2020/QĐPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé Nh, sinh năm 1965

Nơi cư trú: Tổ 10, ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh B, huyện Châu Th, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Đại diện ủy quyền nguyên đơn: Ông Nguyễn Lưu Qu, sinh năm 1984, ngụ khóm Đông Thịnh 2, phường Mỹ Ph, thành phố Long X, tỉnh An Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 5 năm 2020. (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Văn Thanh S (Nguyễn Thanh S), sinh năm 1962 (Vắng mặt. Có đơn xin vắng);

2.2 Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1961 (có mặt);

ĐKKHKT: Tổ 10, ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh B, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Số nhà 281, Tổ 10, ấp Long H, xã Kiến A, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị B là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé Nh trình bày: Vào năm 1995, bà cho ông Nguyễn Văn Thanh S (Nguyễn Thanh S) và bà Nguyễn Thị B mượn số tiền 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng) và 30 (ba mươi) chỉ vàng 24 kara. Đến ngày 20-02-2018, ông S bà B viết và cùng ký vào tờ “Đơn cam kết trả nợ” tiền, vàng như trên và đồng ý trả làm 2 đợt như sau:

- Ngày 06-5-2018 âm lịch trả 23.000.000đ và 15 chỉ vàng 24 kara;
- Ngày 30-12-2018 âm lịch trả 23.000.000đ và 15 chỉ vàng 24 kara;

Nhưng đến nay ông S, bà B không thực hiện, bà Bé Nh yêu cầu Tòa án xử buộc vợ chồng S, B có nghĩa vụ trả lại bà số tiền đã mượn là 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng) và 30 (ba mươi) chỉ vàng 24 kara loại vàng thị trường (94%).

Bị đơn ông Nguyễn Văn Thanh S (Nguyễn Thanh S) và bà Nguyễn Thị B trình bày: Vào năm 1995 ông, bà nhờ Nguyễn Thị Bé Nh vay 03 chỉ vàng 24 kara loại vàng thị trường, lãi suất 1 phân/ 1 chỉ/ 1 tháng. Năm 1996, ông bà tiếp tục nhờ B Nh vay giùm 5.000.000đ (năm triệu đồng). Đến ngày 05-01-2018, bà Nguyễn Thị Bé Nh cùng với ông Nguyễn Văn Tư, bà Nguyễn Thị Thơ, ông Nguyễn Tân Khênh đến nhà gây áp lực, lập giấy mượn tiền ghi sẵn nội dung buộc ký tên năm 1995 ông bà có mượn số tiền 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng) và 30 chỉ vàng 24 kara, vì sợ bị hành hung nên ông, bà ký vào giấy.

Đối với số tiền 5.000.000đ và 03 chỉ vàng 24 kara mượn vào năm 1995, 1996 ông bà đã giao đất cho bà Bé Nh để trừ nợ rồi. Nay, trước yêu cầu kiện đòi tiền và vàng của bà Bé Nh, ông bà không đồng ý, chỉ đồng ý trả cho bà Bé Nh số tiền 5.000.000đ và 03 chỉ vàng 24 kara.

Người làm chứng Nguyễn Văn Tư trình bày: Ông là anh ruột của bà Nguyễn Thị B và Nguyễn Thị Bé Nh. Ông có biết việc vay mượn tiền, vàng giữa đôi bên nhưng không rõ nội tình. Sau này bà B và chồng là ông S làm biên nhận cam kết trả nợ cho Bé Nh số tiền 46.000.000đ và 30 chỉ vàng 24 kara, ông S bà B ký tên lần tay xác nhận nợ, ông chứng kiến và cùng ký tên. Ngoài ông ra còn có bà Nguyễn Thị Thơ là chị ruột của ông biết (bà Thơ hiện sinh sống tại chợ Chi Lăng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang).

Người làm chứng Nguyễn Thị Thơ trình bày: Bà là chị của Nguyễn Văn Tư sinh năm 1956, Nguyễn Thị B sinh năm 1961 và Nguyễn Thị Bé Nh sinh năm 1965. Trước đây S, B có nhờ Bé Nh hỏi mượn tiền vàng của người khác nhiều lần. Do làm ăn thất bại S, B không có tiền trả nợ cũng như đóng lãi nên Bé Nh đứng ra trả nợ thay tổng cộng là 46.000.000đ và 30 chỉ vàng 24 kara. Bé Nh sợ S và B không trả lại vàng, tiền nên buộc vợ chồng S, B viết “Đơn cam kết trả nợ” ngày 20-

02-2018 và cùng ký tên xác nhận (có bà và em trai tên Nguyễn Văn Tư ký tên người chứng kiến). S, B cam kết nếu không trả vàng và tiền thì cắt đất trừ nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2020/DS-ST ngày 13/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị B Nh.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Thanh S (Nguyễn Thanh S) và bà Nguyễn Thị B phải trả một lần cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé Nh số tiền 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng) và 30 (ba mươi) chỉ vàng 24 kara loại vàng thị trường.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về lỗi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 03/3/2020 bà Nguyễn Thị B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ nội dung án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà Nguyễn Thị B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, HĐXX và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét việc bà Bé Nh vào năm 1995 cho vợ chồng B, S vay tiền, đến năm 2018 vợ chồng B, S viết giấy nhận nợ cam kết trả 2 lần nhưng không thực hiện nên Bé Nh kiện đòi tài sản là có căn cứ pháp luật. Riêng yêu cầu của bà B giao cho Bé Nh 6 công đất nhưng không cơ sở chứng minh và cấp sơ thẩm tách thành vụ kiện khác là có cơ sở. Bà B kháng cáo nhưng không đưa ra chứng cứ mới nên đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của các đương sự, của kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị B được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Văn Thanh S (Nguyễn Văn S) có đơn xin vắng, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bị đơn - bà Nguyễn Thị B trình bày là chị ruột của Nguyễn Thị Bé Nh, thừa nhận vào năm 1995 vợ chồng bà nợ B Nh 3 chỉ vàng và 5.000.000 đồng. Nhưng do vợ chồng Bé Nh gây áp lực nên đầu năm 2018 vợ chồng bà ký tên vào “Đơn cam kết trả nợ” số tiền 46.000.000 đồng và 30 chỉ vàng 24k. Nay hoàn cảnh kinh tế gia đình bà khó khăn không điều kiện thi hành án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Ngoài ra, bà yêu cầu cơ quan luật pháp tạo điều kiện cho bà đòi lại 6 công đất ruộng đã giao cho Bé Nh canh tác từ năm 1996.

Đại diện nguyên đơn xác định: Việc hỏi mượn nợ giữa bà B và em ruột Bé Nh là hoàn toàn có thật, có viết giấy nợ, hứa trả thành hai lần nhưng chưa thực hiện, các anh, chị ruột trong gia đình xác nhận việc vay mượn và viết cam kết giữa đôi bên. Nay bà B khai nại có giao 6 công đất cản trở vào lãi và Bé Nh tự ý chuyển quyền cho người khác. Lời khai này nguyên đơn không thừa nhận, bị đơn không đưa ra căn cứ nào chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như bản án sơ thẩm.

[2.2] Các đương sự thừa nhận là chị em ruột với nhau, vay mượn tiền mặc dù xảy ra đã lâu nhưng có giấy cam kết trả nợ; những người thân trong gia đình đều biết rõ việc vay mượn và chứng kiến đôi bên viết cam kết. Do không thực hiện trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi tiền vàng, tòa án thụ lý giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả 46.000.000 đồng và 30 chỉ vàng 24k như phát biểu đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[2.3] Bị đơn Nguyễn Thị B kháng cáo nhưng không đưa ra tình tiết nào mới nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[2.4] Đối với yêu cầu của bà B nhờ hỗ trợ thủ tục kiện đòi lại đất giao cho bà B Nh, cấp sơ thẩm đã tách thành vụ kiện khác, cấp phúc thẩm không xem xét.

[2.5] Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2020/DS-ST ngày 13/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Căn cứ khoản 2 Điều 155; các Điều 166 và 280 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé Nh.

[2] Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Thanh S (Nguyễn Thanh S) và bà Nguyễn Thị B phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị B Nh số tiền 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng) và 30 (ba mươi) chỉ vàng 24 kara loại vàng thị trường.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Hoàn trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Bé Nh 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004402 ngày 28/8/2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Thanh S (Nguyễn Thanh S) và bà Nguyễn Thị B phải chịu 8.750.000đ (tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0006737 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành (đã nộp xong).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với số tiền phải trả cho người được thi hành án) đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi trên số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế và thời hiệu thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1).
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đường sự “ Để thi hành ”
- Lưu: HS.

Lâm Thuận Tùng

